TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2020/DS-PT

Ngày 28/5/2020

V/v Tranh chấp QSD đất và yêu cầu BTTH về T1 sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thông

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tuấn Anh

Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà:

Ông Nguyễn Văn Tón - Kiểm sát viên.

Vào các ngày 21 và 28 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2020/TLPT-DS ngày 31 tháng 01 năm 2020, về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu BTTH về T1 sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2019/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố S bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 174/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lưu Văn S, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Số nhà 157, ấp Đông Khánh, xã T, Tp. S, Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Bà Hà Thị H, sinh năm 1937.

Người đại diện hợp pháp của bà H là ông Lưu Trí T, sinh năm 1979. Địa chỉ: Số nhà 156, ấp Đông Khánh, xã T, Tp. S, Đồng Tháp, là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 05/7/2018, ngày 18/5/2020, ngày 21/5/2020).

- Người bảo vệ quyền và L ích hợp pháp của bị đơn bà Hà Thị H và người có quyền L, nghĩa vụ liên quan ông Lưu Trí T: Luật sư Hồ Thị Xuân H1 – Văn phòng luật sư Xuân H1 thuộc đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân thành phố S.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban là ông Nguyễn Văn H2 – Phó Chủ tịch UBND thành phố S, là người đại diện theo ủy quyền (Theo văn bản ủy quyền ngày 02/01/2019).

3.2. Bà Lưu Thị Ng, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Số nhà 151, ấp Đông Khánh, xã T, Tp. S, Đồng Tháp.

3.3. Bà Lưu Thị Kh, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số nhà 83/74, ấp Đông Khánh, xã T, Tp. S, Đồng Tháp.

3.4. Ông Lưu Chí Th, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số nhà 287/2, Trần Phú, phường 5, thành phố Vũng Tàu, Bà Rịa – Vũng Tàu.

3.5. Bà Lưu Thị Cẩm H4, sinh năm 1976.

3.6. Ông Lưu Trí T, sinh năm 1979.

3.7. Anh Lưu Phúc H5, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Số nhà 156, ấp Đông Khánh, T, Tp. S, Đồng Tháp.

3.8. Bà Lưu Kim L, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Số nhà 2884/12, khu vực 4, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

3.9. Bà Lưu Thị Nh, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số nhà 83/2, ấp Đông Huề, xã T, Tp. S, Đồng Tháp.

10. Ông Lưu Phước T1, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số nhà 12/1, ấp Đông Huề, xã T, Tp. S, Đồng Tháp.

(Bà Ng, bà Kh, bà H4, bà L, ông H5, ông Thanh, chị Nh, anh T1 cùng ủy quyền cho ông Lưu Trí T theo các văn bản ủy quyền ngày 05/7/2018, ngày 06/8/2018 và ngày 13/8/2018).

Ông S, ông T và Luật sư H1 có mặt tại phiên toà; đại diện Ủy ban nhân dân thành phố S là ông Nguyễn Văn H2 có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Lưu Văn S trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của bà ngoại ông S là cụ Phạm Thị H5. Năm 1980, cụ H5 tặng cho ông S 2.000m^2, việc cụ H5 cho đất ông S chỉ nói miệng, không có làm giấy tờ. Sau khi cụ H5 chết vào cuối năm 1980 thì ông Lưu Văn H6 là cha ruột ông S quản lý, sử dụng đất của cụ H5 để lại, lý do ông S không đăng ký kê khai là vì ông S bận làm ăn mưu sinh nên không kê khai.

Sau đó, ông H6 đi đăng ký kê khai và được UBND thị xã (nay là thành phố) S cấp giấy chứng nhận QSD đất diện tích 19.568m^2 ngày 09/10/1993 gồm

các thửa 685, 689, 687, 61, 62, 529, 935 (trong đó, có phần diện tích 2.000m^2 cụ H5 tặng cho ông S). Khi ông H6 được cấp giấy chứng nhận QSD đất trên thì ông S không biết nên không có tranh chấp.

Năm 2015 ông H6 chết có để lại di chúc hay không thì ông S không biết và ông H6 có vợ tên Hà Thị H, ông H6 và bà H sống chung có tất cả 10 người con gồm: ông Lưu Văng S, ông Lưu Trí T, bà Lưu Thị Ng, bà Lưu Thị Kh, bà Lưu Thị Cẩm H4, bà Lưu Kim L, ông Lưu Chí Th, ông Lưu Phúc H5, ông Lưu Phước T1, bà Lưu Thị Nh. Sau khi ông H6 chết, ông T trực tiếp quản lý, sử dụng đất tranh chấp.

Năm 1980, khi ông S được cụ H5 cho phần đất tranh chấp thì ông S trồng 10 cây xoài cát Hòa Lộc trên đất, đến năm 2004 bà Hà Thị H là mẹ ruột ông S kêu ông Lưu Trí T và ông Lưu Phúc H5 (là em ruột của ông S) đốn hết 10 cây xoài của ông S trồng và chiếm sử dụng phần đất chiều Ngng khoảng 31m x dài 26m = 806m^2. Qua đo đạc thực tế diện tích tranh chấp là 857,1m^2 ông S thống nhất không có ý kiến gì. Hiện đất tranh chấp do bà H và ông T đang quản lý sử dụng.

Nay ông S yêu cầu bà H và ông T trả lại phần diện tích đất 857,1m^2 thể hiện các mốc 1-2-3-4-5-6-7-8-9-10-1 theo mảnh trích đo địa chính số 125-2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Sthuộc một phần của thửa 685, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc ấp Đông Khánh, xã T, Tp. S cho ông S quản lý, sử dụng do ông Lưu Văn H6 đứng tên giấy chứng nhận QSD đất.

Đồng thời, ông S yêu cầu ông T và ông H5 bồi thường thiệt hại đối với 10 cây xoài cát Hòa Lộc và L tức hàng năm tổng cộng 430.000.000 đồng.

Trường hợp, yêu cầu của ông S không được chấp nhận thì các cây trồng như chuối, tre, gáo, so đũa, lộc vừng trên đất của ông S thì ông S tự nguyện di dời, không yêu cầu bồi thường.

Ông S xác định không tranh chấp yêu cầu chia thừa kế trong vụ án này. Trường hợp, có phát sinh tranh chấp sẽ Kh kiện bằng vụ án khác.

Ngoài ra, ông S không còn yêu cầu nào khác.

- Ông Lưu Trí T là người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Hà Thị H, với tư cách là người có quyền L, nghĩa vụ liên quan và là người đại diện hợp pháp của những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan là bà Lưu Thị Ng, bà Lưu Thị Kh, ông Lưu Chí Th, bà Lưu Thị Cẩm H4, ông Lưu Phúc H5, bà Lưu Kim L (những người liên quan là con của ông H6, bà H) trình bày:

Phần đất tranh chấp diện tích 857,1m^2 thể hiện các mốc 1-2-3-4-5-6-7-8-9-10-1 theo mảnh trích đo địa chính số 125-2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S thuộc một phần của thửa 685, tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp Đông Khánh, xã T, Tp. S Quyền sử dụng đất cấp cho ông Lưu Văn H6 vào năm 1993, khi còn sống cụ H5 cũng như ông H6 không có tặng cho đất cho ông S. Năm 2015 cha là ông H6 chết, mẹ là bà H giao cho con tên Lưu Trí T quản lý, sử dụng từ năm 2015 đến nay (trồng chuối) lấy H5 L phụng dưỡng bà H trong lúc

tuổi già. Đồng thời, không có sự việc ông T và ông H5 đốn 10 cây xoài của ông S như ông S trình bày.

Do đó, bà H và những người có quyền L, nghĩa vụ liên quan gồm ông T, bà Ng, bà Kh, bà H4, bà L, ông Thanh, ông H5 không đồng ý đối với yêu cầu Kh kiện của ông Lưu Văn S.

Trường hợp, yêu cầu của ông S được chấp nhận thì các cây trồng trên đất của ông T thì ông T tự nguyện di dời, không yêu cầu bồi thường.

Ông T xác định không tranh chấp yêu cầu chia thừa kế trong vụ án này. Trường hợp, có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Ngoài ra, không có ý kiến yêu cầu gì thêm.

- Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan bà Lưu Thị Nh, ông Lưu Phước T1 trình bày:

Bà Nh, ông T1 là con của ông H6, bà H thống nhất lời trình bày của bà H, ông T. Ngoài ra, không có ý kiến gì khác.

- Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan UBND thành phố S đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Văn H2 (ông H2 có đơn xin vắng mặt). Tuy Nhên, có ý kiến như sau:

Về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông Lưu Văn H6 đối với thửa đất 685, tờ bản đồ số 3 đúng theo quy định pháp luật. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận QSD đất không có phát sinh tranh chấp, không có đo đạc thực tế, chỉ kê khai đăng ký và QSD đất được cấp cho cá nhân ông Lưu Văn H6. Ngoài ra, Ủy ban không có ý kiến gì thêm.

- Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2019/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố S đã xử:

1- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lưu Văn S yêu cầu bà Hà Thị H và ông Lưu Trí T trả lại phần diện tích đất 857,1m^2 thể hiện các mốc 1-2-3-4-5-6-7-8-9-10-1 theo mảnh trích đo địa chính số 125-2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S thuộc một phần của thửa 685, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc ấp Đông Khánh, xã T, Tp. S, QSD đất do ông Lưu Văn H6 đứng tên cho ông S quản lý, sử dụng (hiện bà H và ông T đang quản lý sử dụng đất).

Buộc ông Lưu Văn S di dời các cây trồng trên đất tranh chấp gồm so đũa, lộc vừng, gáo đi nơi khác để giao đất cho bà H, ông T quản lý, sử dụng.

2- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Văn S về việc yêu cầu ông Lưu Trí T và ông Lưu Phúc H5 bồi thường thiệt hại đối với 10 cây xoài cát Hòa Lộc và L tức hàng năm tổng cộng 430.000.000 đồng.

3- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lưu Văn S nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí ông Lưu Văn S đã nộp 13.824.000 đồng theo biên lai số 0004634 ngày 27/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố S được

chuyển thành án phí, ông Lưu Văn S được nhận lại số tiền 13.524.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án thành phố S.

4- Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá: Ông Lưu Văn S nộp tiền chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ và định giá số tiền là 2.704.000 đồng (ông S đã tạm ứng và chi xong).

- Ngày 19/11/2019 ông Lưu Văn S kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2019/DS-ST ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố S.

- Tại phiên tòa ông S phát biểu: Ông S không đồng ý với các nhận định của bản án sơ thẩm, ông khởi kiện liên tục. Nên yêu cầu chấp nhận kháng cáo của ông S, sửa bản án sơ thẩm.

- Tại phiên tòa ông T phát biểu: Ông T không đồng ý với kháng cáo của ông S, đề nghị xử y án sơ thẩm.

- Luật sư H1 phát biểu:

+ Đất tranh chấp là do cụ H5 cho ông H6 và bà H, nên ông S cho rằng của cụ H5 cho ông S là không có căn cứ.

+ Ông H6 đi đăng ký quyền sử dụng đất ghi là của mẹ vợ giao và ông H6 được cấp quyền sử dụng đất.

+ Nguyên đơn không chứng minh được quan hệ nuôi dưỡng cụ H5, do lúc đó ông S còn nhỏ.

+ Sổ bộ kê khai thuế của ông S năm 1991 là 0,37ha tương đương với diện tích 02 thửa đất 528 và 690 của ông S.

+ Công văn của UBND thành phố S nêu là khi cấp đất cho ông H6 thì không có đo dạc thực tế.

+ Việc đốn cây: Anh T và anh H5 không thừa nhận, khi ông S khởi kiện đã hết thời hiệu.

Đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông S.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa. Về đường lối xét xử, Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông S, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và lời phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là người đại diện Uỷ ban nhân dân thành phố S có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo luật định.

[2]. Ông S kháng cáo yêu cầu bà H và ông T trả lại phần diện tích đất 857,1m^2 thể hiện tại các mốc 1-2-3-4-5-6-7-8-9-10-1, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về nguồn gốc đất tranh chấp: Ông S cho rằng đất tranh chấp có nguồn gốc của bà ngoại của ông là cụ Phạm Thị H5 tặng cho ông S vào năm 1980, việc cụ H5 cho đất ông S không có làm giấy tờ. Đến cuối năm 1980, ông Lưu Văn H6 cha ruột ông S quản lý, sử dụng phần đất cụ H5 để lại và ông H6 đăng ký kê khai được cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 09/10/1993 thuộc một phần của thửa 685, tờ bản đồ số 3 do ông Lưu Văn H6 đứng tên, lý do ông S không kê khai đăng ký đất là do ông S bận làm ăn và việc ông H6 được cấp giấy chứng nhận QSD đất tranh chấp trên, ông S không biết nên không có tranh chấp. Đến năm 2004 do bà H, anh T lấn chiếm đất sử dụng nên ông S phát sinh tranh chấp.

Bà H, anh T cho rằng phần đất tranh chấp có nguồn gốc của mẹ ruột của bà H là cụ Phạm Thị H5 (chết năm 1980) để lại cho vợ chồng bà H, ông H6 quản lý, sử dụng từ năm 1980. Ông H6 được cấp giấy chứng nhận QSD đất ngày 09/10/1993. Bà H không thừa nhận lời trình bày của ông S, bà H xác định đất tranh chấp thuộc QSD của ông H6.

Phần đất tranh chấp hiện nay do bà H và anh T quản lý, sử dụng.

Theo Công văn số 94/UBND-NC ngày 05/9/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố S về việc cung cấp thông tin như sau: "Ủy ban ND cấp giấy chứng nhận QSD đất thửa 685, tờ bản đồ số 3 ngày 09/10/1993 trên cơ sở đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của ông Lưu Văn H6 được Hội đồng xét duyệt cấp giấy chứng nhận QSD đất UBND xã T duyệt. Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận cho ông H6 đúng quy định pháp luật và tại thời điểm cấp giấy QSD đất không có phát sinh tranh chấp".

Ông S trình bày quá trình sử dụng đất ông S nộp thuế cho Nhà nước đầy đủ. Tuy Nhên, qua đối chiếu tài liệu chứng cứ là "Sổ tờ khai diện tích và thu nộp thuế nông nghiệp" số 130/TC/TNN, tên chủ hộ Lưu Văn S. Xét thấy với diện tích này phù hợp với 02 thửa đất số 528 và 690 của ông S; đồng thời các biên lai thuế cũng không thể hiện diện tích đất cụ thể và thuộc thửa đất nào nên không đủ cơ sở xem xét.

Đối với những người làm chứng là ông Trương văn T2, ông Đỗ Công Th, bà Dương Thị H7, bà Nguyễn Thị H8 xác nhận nội dung còn chung chung, không cụ thể, rõ ràng nên không đủ cơ sở xem xét.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông S không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh là có việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ H5 và ông S.

Do đó yêu cầu kháng cáo của ông S về việc yêu cầu bà H, ông T trả lại phần diện tích đất tranh chấp 857,1m^2 thuộc một phần thửa 685 là không có cơ sở nên không chấp nhận kháng cáo.

[2]. Xét yêu cầu kháng cáo của ông S về việc yêu cầu ông Lưu Trí T và ông Lưu Phúc H5 bồi thường thiệt hại đối với 10 cây xoài cát Hòa Lộc và lợi tức hàng năm tổng cộng 430.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông S cho rằng vào năm 2004 ông T và ông Ph đốn 10 cây xoài cát Hòa Lộc của ông S trồng trên phần đất tranh chấp nên ông S gởi đơn đến chính quyền địa phương giải quyết, khi đó Công an cùng UBND xã T xác minh, lập

biên bản ngày 28/01/2004. Sau đó ông S khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất chứ không có yêu cầu anh T, anh H5 bồi thường thiệt hại về tài sản. Đồng thời anh T và anh H5 không thừa nhận có đốn xoài của ông S và anh T yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản của ông S.

Xét thấy, đến năm 2018 (14 năm sau) ông S mới khởi kiện yêu cầu ông T, ông H5 bồi thường thiệt hại và lợi tức hàng năm số tiền 430.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Điều 588 của Bộ luật dân sự năm 2015 và điểm e, khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của ông S về việc yêu cầu anh T và anh H5 bồi thường thiệt hại, là phù hợp.

Đối với các cây trồng trên đất tranh chấp các đương sự ông S, bà H, anh T thống nhất trường hợp công nhận đất cho ai thì người kia tự nguyện di dời.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông S. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ông S phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Lưu Văn S.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 163, Điều 170, Điều 588 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 166 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 147, khoản 1 Điều 148, điểm e khoản 1 Điều 217, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lưu Văn S yêu cầu bà Hà Thị H và ông Lưu Trí T trả lại phần diện tích đất 857,1m^2 thể hiện các mốc 1-2-3-4-5-6-7-8-9-10-1 theo mảnh trích đo địa chính số 125-2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Sthuộc một phần của thửa 685, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc ấp Đông Khánh, xã T, Tp. S, QSD đất do ông Lưu Văn H6 đứng tên cho ông S quản lý, sử dụng (hiện bà H và ông T đang quản lý sử dụng đất).

2. Buộc ông Lưu Văn S di dời các cây trồng trên đất tranh chấp gồm so đũa, lộc vừng, gáo đi nơi khác để giao đất cho bà Hà Thị H và ông Lưu Trí T quản lý, sử dụng.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Văn S về việc yêu cầu ông Lưu Trí T và ông Lưu Phúc H5 bồi thường thiệt hại đối với 10 cây xoài cát Hòa Lộc và lợi tức hàng năm tổng cộng 430.000.000 đồng.

4. Về án phí dân sự:

Ông Lưu Văn S nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí ông Lưu Văn S đã nộp 14.124.000 đồng theo biên lai số 0004634 ngày 27/6/2018 và biên lai số 004309 ngày 21/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố S được chuyển thành án phí, ông Lưu Văn S được nhận lại số tiền 13.524.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án thành phố S.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá: Ông Lưu Văn S nộp tiền chi phí đo đạc, thẩm định tại chỗ và định giá số tiền là 2.704.000 đồng (ông S đã tạm ứng và chi xong).

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng kiểm tra TAND Tỉnh ĐT;
- VKSND Tỉnh ĐT;
- TAND TP. S;
- Chi cục THADS TP. S;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Thông